TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do- H Phúc

Bản án số: 79/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 06/7/2017
V/v tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà LÊ TRẦN XUÂN VĂN

Các Hội thẩm nhân dân:

1) Ông HUỲNH VĂN THANH

2) Ông PHAN VĂN THẬT

Thư ký phiên tòa: Bà TRẦN THỊ KIM THÚY, Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa***:** ông NGUYỄN ĐỨC HÙNG – Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang. Tòa án nhân dân huyện C T hành xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 157/2017/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2017, về tranh chấp "*Ly hôn, nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67A/2017/QĐXX-ST ngày 31 tháng 5 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị LÊ THỊ MỸ H, sinh năm: 1991 (*có mặt)*

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Chỗ ở hiện nay: Ấp 9, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang

2. Bị đơn: Anh TRẦN VĂN T, sinh năm: 1993 (*vắng mặt)*

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 11/4/2017, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ H trình bày: Chị và anh T do quen biết nên tiến tới hôn nhân vào năm 2012, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 85 quyển số 01 ngày 29/6/2012. Thời gian đầu

chung sống hạnh phúc nhưng kể từ cuối năm 2014 đến nay thì cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, thường xuyên gây gỗ, cãi vã nhau. Nguyên nhân là do phía anh T thường xuyên bỏ nhà đi chơi, không chăm lo hạnh phúc gia đình. Chị H đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh T không thay đổi. Hiện anh, chị đã ly thân từ cuối năm 2014 đến nay không hàn gắn đoàn tụ được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: có 01 con chung tên Trần Thị Trà M, sinh ngày 27/9/2014 hiện do chị H đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị yêu cầu được quyền nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

* Tại bản khai ngày 05/5/2017, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trần Văn T trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị H về thời gian kết hôn, về con chung, tài sản chung, nợ chung. Thống nhất về thời gian mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn. Tuy nhiên anh T cho rằng hiện tại anh đã thay đổi, biết chăm lo làm ăn xây dựng cuộc sống vợ chồng. Mặc khác mâu thuẫn vợ chồng giữa anh và chị H không có gì lớn, anh còn thương vợ con nên mong muốn đoàn tụ, không đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị H.

Về con chung: có 01 con chung như chị H trình bày. Nếu ly hôn anh yêu cầu được quyền nuôi con, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

* Tại phiên tòa, nguyên đơn chị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ban đầu.

* Bị đơn anh T đã được triệu tập để xét xử lần thứ hai nhưng vắng không có lý do.

***** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật tố tụng và nội dung vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án, việc chấp hành pháp luật của các đương sự từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định tại các Điều 28, 68, 93, 94, 95, 96, 97, 195, 196, 203 của Bộ luật tố tụng dân sự

- Đối với nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo hướng:

+ Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị H ly hôn với anh T

+ Về con chung: giao chị H nuôi, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết

+ Về nợ chung: không có

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa chị Lê Thị Mỹ H và anh Trần Văn T là quan hệ tranh chấp ly hôn, nuôi con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Anh Trần Văn T đã được tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để xét xử nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án xét xử vắng mặt anh T.

[3] Về hôn nhân: Tại phiên tòa, chị Lê Thị Mỹ H giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Anh Trần Văn T có bản khai không đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị H. Xét thấy, mặc dù hôn nhân giữa hai bên là hợp pháp, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 85 quyển số 01 ngày 29/6/2012 tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Tuy nhiên, hiện tại cuộc sống hôn nhân của hai bên đã không còn hạnh phúc. Chị H đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sống từ cuối năm 2014 đến nay. Phía anh T mặc dù trình bày trong bản tự khai và biên bản hòa giải là còn thương vợ con, mong muốn đoàn tụ nhưng từ khi thụ lý giải quyết vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, anh T vẫn không đưa ra được biện pháp nào để hàn gắn cuộc sống hôn nhân. Không đảm bảo ổn định về kinh tế để chăm lo cuộc sống vợ chồng. Tại phiên tòa hôm nay, anh T lại vắng mặt không lý do chứng tỏ anh không có thiện chí hàn gắn trong cuộc hôn nhân này. Mặc khác, hiện chị H, anh T đã ly thân thời gian dài từ cuối năm 2014 đến nay không hàn gắn được. Phía chị H khẳng định không còn tình cảm với anh T. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của chị H là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về con chung: Hai bên thống nhất trong quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên Trần Thị Trà M, sinh ngày 27/9/2014 hiện do chị H đang trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Tại phiên tòa, chị H giữ nguyên yêu cầu nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Phía bị đơn anh T có bản tự khai trình bày không đồng ý giao con chung cho chị H nuôi, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, hiện tại cháu Trà M chưa đủ 36 tháng tuổi, từ khi hai bên xảy ra mâu thuẫn đến nay, cháu M đang sống cùng chị H, cuộc sống ổn dịnh, sức khỏe tốt. Phía anh T hiện không có việc làm ổn định. Từ lúc hai bên phát sinh mâu thuẫn đến nay, chị H đã cùng cháu M về nhà cha mẹ ruột để sống, anh T không thường xuyên đến thăm nom, chăm sóc con chung nên kinh nghiệm chăm sóc con chung bị hạn chế. Vì vậy, để đảm bảo cho sự phát triển ổn định về thể chất, học hành, sự phát triển về tinh thần, cũng như các quyền lợi khác của con chung, nghĩ nên tiếp tục giao cháu Trần Thị Trà M cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Phía anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu.

[5] Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[6] Nợ chung: không có

[7] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chị H phải chịu án phí HNST.

[8] Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tại phiên tòa là có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng các Điều 28, 147, 203, 220, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 5 Điều 27 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Mỹ H.

1. Về hôn nhân: Cho chị Lê Thị Mỹ H được ly hôn với anh Trần Văn T;

2. Về con chung: giao cháu Trần Thị Trà M sinh ngày 27/9/2014 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu;

Anh T được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật. Không ai được cản trở quyền này.

3. Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: chị Lê Thị Mỹ H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 14339 ngày 19/4/2017 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện C nên xem như đã thi hành xong.

6. Chị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể tự ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tai các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C;
- CCTHA DS huyện C;
- UBND xã T, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Trần Xuân Văn